

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở,  
trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2024-2025  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) được hợp nhất tại Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Thực hiện Thông báo số 716-TB/TU ngày 08/3/2023 của Thường trực Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 04/TTr-SGDĐT ngày 13/01/2023 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2024-2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) và giáo dục thường xuyên (GDTX) năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung sau:

**1.** Tuyển sinh vào lớp 6 THCS

**1.1.** Đối tượng

**1.1.1.** Đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 THCS

a) Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học, có độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TTBGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Có nơi thường trú hoặc học cấp Tiểu học tại tỉnh Tuyên Quang (quy định này không áp dụng cho Trường Phổ thông Tuyên Quang).

c) Các trường hợp khác do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quy định.

**1.1.2.** Đối tượng tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) có cấp học THCS: Ngoài các nội dung quy định tại tiết a, b điểm 1.1.1, mục 1.1 Khoản 1 Điều này cần thêm một trong các điều kiện sau:

a) Học sinh là dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ (*Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chút, O Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ*).

b) Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại:

- Xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn (*sau đây gọi chung là xã, thôn đặc biệt khó khăn*); xã, phường, thị trấn khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền: Tỷ lệ tuyển sinh từ 50% trở lên tổng số chỉ tiêu tuyển mới.

- Xã, phường, thị trấn khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền: Tỷ lệ tuyển sinh không quá 40% tổng số chỉ tiêu tuyển mới.

- Các xã, phường, thị trấn còn lại: Thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

c) Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ tuyển sinh không quá 10% tổng số chỉ tiêu tuyển mới.

## **1.2.** Địa bàn và chỉ tiêu tuyển sinh

### **1.2.1.** Địa bàn tuyển sinh

a) Trường THCS Lê Quý Đôn, thành phố Tuyên Quang tuyển sinh trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Các trường PTDTNT có cấp THCS tuyển sinh trên địa bàn huyện của cơ sở giáo dục.

c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quy định địa bàn tuyển sinh cho các trường còn lại thuộc thẩm quyền quản lý.

### **1.2.2.** Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Các trường PTDTNT có cấp THCS: 02 lớp, 70 học sinh, mỗi lớp 35 học sinh; riêng trường PTDTNT THCS huyện Yên Sơn 03 lớp, 105 học sinh, mỗi lớp 35 học sinh.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quy định chỉ tiêu tuyển sinh cho các trường còn lại thuộc thẩm quyền quản lý.

## **1.3.** Phương thức tuyển sinh

**1.3.1.** Đối với các trường PTDTNT; các trường THCS có vùng tuyển sinh trên địa bàn toàn huyện hoặc tỉnh có số học sinh đăng ký tuyển sinh vượt nhiều so với chỉ tiêu tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.

**1.3.2.** Đối với Trường Phổ thông Tuyên Quang và các trường THCS còn lại: Xét tuyển.

**1.4.** Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

**1.4.1.** Tuyển thẳng (*áp dụng đối với các trường PTDTNT*)

a) Học sinh là dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

b) Học sinh thuộc đối tượng dự tuyển đạt giải cấp tỉnh trở lên về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

**1.4.2.** Chế độ ưu tiên

a) Nhóm đối tượng 1 (*cộng 3,0 điểm*): Con liệt sĩ; con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

b) Nhóm đối tượng 2 (*cộng 2,5 điểm*): Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động; con thương binh mất sức lao động dưới 81%; con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Nhóm đối tượng 3 (*cộng 2,0 điểm*): Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người dân tộc thiểu số; người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**2.** Tiếp tục tuyển sinh thí điểm vào lớp 8 THCS trong trường THPT Chuyên

**2.1.** Chỉ tiêu tuyển sinh

Tuyển sinh 02 lớp 8, gồm: 01 lớp Khoa học tự nhiên, 01 lớp Khoa học xã hội; mỗi lớp tối đa 35 học sinh.

**2.2.** Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 7.

b) Tuổi của học sinh quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TTBGDDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Xếp loại năm học từ lớp 6 đến lớp 7: Học tập và rèn luyện từ Khá trở lên.

**2.3.** Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển kết hợp với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.

**2.4.** Tuyển thẳng, chế độ khuyến khích: Theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**2.5.** Bài kiểm tra, đề kiểm tra

**2.5.1.** Bài kiểm tra: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

**2.5.2.** Đề kiểm tra

a) Hình thức: Kết hợp trắc nghiệm với tự luận.

b) Điểm bài kiểm tra tính theo thang điểm 10, điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

c) Thời gian làm bài kiểm tra: Môn Tiếng Anh: 60 phút; môn Ngữ văn, môn Toán: 90 phút.

**3.** Tuyển sinh vào lớp 10 THPT

**3.1.** Đối tượng

**3.1.1.** Đối tượng tuyển sinh vào các trường THPT

a) Là người đã tốt nghiệp THCS và trong độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TTBGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Học cấp THCS hoặc có nơi thường trú tại tỉnh Tuyên Quang (quy định này không áp dụng cho Trường Phổ thông Tuyên Quang).

**3.1.2.** Đối tượng tuyển sinh vào các trường PTDTNT ngoài các nội dung quy định tại điểm 3.1.1, mục 3.1, Khoản 3 Điều này cần đảm bảo:

a) Thêm một trong các điều sau:

- Học sinh là dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

- Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại:

+ Xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn; xã, phường, thị trấn khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền: Tỷ lệ tuyển sinh từ 50% trở lên tổng số chỉ tiêu tuyển mới.

+ Xã, phường, thị trấn khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền: Tỷ lệ tuyển sinh không quá 40% tổng số chỉ tiêu tuyển mới.

+ Các xã, phường, thị trấn còn lại: thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

- Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ tuyển sinh không quá 10% tổng số chỉ tiêu tuyển mới.

b) Các năm học lớp 7, lớp 8, lớp 9 được xếp loại hạnh kiểm và học lực từ Khá trở lên (*học sinh học chương trình VNEN: Xếp loại phẩm chất đạt mức Đạt, kết quả học tập đạt mức Hoàn thành*). Riêng học sinh là dân tộc Cờ Lao, Lô Lô, Pu Páo, Ngái, Pà Thẻn, Thủy, XTiêng, Cơ Tu, Xơ Đăng, Thổ, La Hủ, Ê Đê, Kơ Me, Xinh Mun, Giáy, Thái, La Chí, Mường, Mông trong các năm học của các lớp trước lớp tuyển sinh xếp loại hạnh kiểm từ Khá trở lên, học lực từ Trung bình trở lên.

**3.1.3.** Đối tượng tuyển sinh vào trường THPT Chuyên, ngoài các nội dung quy định tại điểm 3.1.1, mục 3.1, Khoản 3 Điều này cần có đủ các điều kiện sau:

- Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp trung học cơ sở từ Khá trở lên.

- Xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ Khá trở lên.

**3.2.** Địa bàn tuyển sinh

**3.2.1.** Các trường PTDTNT liên cấp THCS và THPT

a) Trường PTDTNT ATK Sơn Dương: Đối tượng tuyển sinh thuộc địa bàn huyện Sơn Dương và huyện Yên Sơn.

b) Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Hàm Yên: Đối tượng tuyển sinh thuộc địa bàn huyện Hàm Yên và huyện Yên Sơn.

c) Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Na Hang: Đối tượng tuyển sinh thuộc địa bàn huyện Na Hang.

d) Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Chiêm Hoá: Đối tượng tuyển sinh thuộc địa bàn huyện Chiêm Hóa.

đ) Trường PTDTNT THCS và THPT huyện Lâm Bình: Đối tượng tuyển sinh thuộc địa bàn huyện Lâm Bình.

**3.2.2.** Trường PTDTNT THPT tỉnh: Đối tượng tuyển sinh thuộc địa bàn toàn tỉnh.

**3.2.3.** Trường Phổ thông Tuyên Quang: Đối tượng tuyển sinh trong và ngoài tỉnh.

**3.2.4.** Các trường THPT còn lại: Đối tượng tuyển sinh thuộc địa bàn huyện, thành phố của cơ sở giáo dục (*trường hợp đặc biệt, sau khi được Sở Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản, học sinh có thể đăng ký dự tuyển ngoài địa bàn quy định*).

**3.3.** Chỉ tiêu tuyển sinh: Tỷ lệ tuyển sinh vào lớp 10 THPT và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn toàn tỉnh (*tính cả trường Phổ thông Tuyên Quang, trường THPT Chuyên và trường PTDTNT*) tối đa bằng 80% số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2024-2025 (2 hệ). Cụ thể:

**3.3.1.** Trường THPT Chuyên: Tuyển sinh tối đa 315 học sinh, gồm 09 lớp chuyên theo môn học trong chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: Toán, Tin học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh; mỗi lớp tối đa 35 học sinh.

**3.3.2.** Các trường PTDTNT

a) Trường PTDTNT THPT tỉnh: 06 lớp, 184 học sinh.

b) Các trường PTDTNT THCS và THPT: 02 lớp, 70 học sinh, mỗi lớp 35 học sinh.

**3.3.3.** Các đơn vị còn lại: Căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT, GDTX cho các đơn vị trực thuộc năm học 2024-2025.

### 3.4. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

Ngoài nguyện vọng 1, học sinh được lựa chọn đăng ký nguyện vọng 2 vào một trường THPT trên địa bàn huyện, thành phố do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định (*trừ trường THPT Chuyên và các trường PTDTNT*); học sinh trúng tuyển nguyện vọng 1 không được tham gia xét tuyển nguyện vọng 2.

### 3.5. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

#### 3.5.1. Tuyển thẳng

a) Tuyển thẳng vào các trường THPT (*trừ trường THPT Chuyên, Phổ thông DTNT*), bao gồm:

- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú đã tốt nghiệp trung học cơ sở.
- Học sinh là dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.
- Học sinh khuyết tật.
- Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh; giải cá nhân cấp quốc gia (*hoặc khu vực*) trở lên về văn nghệ, thể dục thể thao.

- Học sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: Điểm IELTS Academic đạt 5.0 điểm trở lên do British Council (*BC*) hoặc International Development Program (*IDP*) cấp; TOEFL iBT đạt 59 điểm trở lên do Educational Testing Service (*ETS*) cấp.

b) Tuyển thẳng vào các trường PTDTNT các trường hợp sau:

- Học sinh là dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.
- Học sinh thuộc đối tượng dự tuyển đạt một trong các giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh; đạt giải cá nhân cấp quốc gia (*hoặc khu vực*) trở lên về văn nghệ, thể dục thể thao.

- Học sinh đạt chứng chỉ Tiếng Anh: Điểm IELTS Academic đạt 6.0 điểm trở lên do British Council (*BC*) hoặc International Development Program (*IDP*) cấp; TOEFL iBT đạt 72 điểm trở lên do Educational Testing Service (*ETS*) cấp.

c) Tuyển thẳng vào trường THPT Chuyên

- Học sinh đạt một trong các giải Nhất, giải Nhì kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý và Tiếng Anh vào các lớp chuyên tương ứng; giải Nhất, giải Nhì môn Toán tuyển thẳng vào lớp chuyên Toán hoặc chuyên Tin học.

- Tuyển thẳng vào lớp Chuyên Anh đối với học sinh có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS Academic từ 7.0 trở lên do British Council (*BC*) hoặc International Development Program (*IDP*) cấp; TOEFL iBT đạt từ 86 điểm trở lên do Educational Testing Service (*ETS*) cấp.

**3.5.2. Chế độ ưu tiên:** Áp dụng quy định tại điểm 1.4.2, mục 1.4 Khoản 1 Điều này (*không áp dụng đối với Trường THPT Chuyên*).

**3.5.3. Chế độ khuyến khích**

a) Điểm khuyến khích

- Đối với các trường PTDTNT

+ Cộng 1,5 điểm cho học sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: IELTS Academic 5.5 điểm do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp; TOEFL iBT đạt 65 điểm đến 71 điểm do Educational Testing Service (ETS) cấp.

+ Cộng 1,0 điểm cho học sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh; đạt giải cá nhân thi văn nghệ, thể dục thể thao cấp tỉnh; đạt giải khuyến khích cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh hoặc học sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: IELTS Academic 5.0 điểm do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp; TOEFL iBT đạt 59 điểm đến 64 điểm do Educational Testing Service (ETS) cấp.

- Đối với THPT Chuyên

+ Cộng 2,0 điểm cho học sinh dự thi vào lớp chuyên Tiếng Anh đạt chứng chỉ Tiếng Anh: Điểm IELTS Academic đạt 6.5 điểm do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp; TOEFL iBT đạt từ 79 đến 85 điểm do Educational Testing Service (ETS) cấp.

+ Cộng 1,5 điểm cho học sinh đạt giải Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh (*dự thi vào lớp chuyên tương ứng*); học sinh dự thi vào lớp chuyên Tiếng Anh có chứng chỉ Tiếng Anh: IELTS Academic 6.0 điểm do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp; TOEFL iBT đạt 72 điểm đến 78 điểm do Educational Testing Service (ETS) cấp.

+ Cộng 1,0 điểm cho học sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh (*dự thi vào lớp chuyên tương ứng*); Học sinh dự thi vào lớp chuyên Tiếng Anh có chứng chỉ Tiếng Anh: IELTS Academic 5.5 điểm do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp; TOEFL iBT đạt 65 điểm đến 71 điểm do Educational Testing Service (ETS) cấp.

b) Nguyên tắc áp dụng

- Nếu học sinh đạt nhiều giải khác nhau trong nhiều kỳ/cuộc thi chỉ được hưởng một lần cộng điểm; Chứng chỉ Tiếng Anh phải còn thời hạn đến ngày tổ chức thi.

- Điểm cộng thêm được cộng vào tổng điểm trước khi quy đổi theo thang điểm xét tuyển.

**3.6. Môn thi, đề thi, thời gian làm bài thi, lịch thi**

**3.6.1. Môn thi**

a) Học sinh dự thi vào các trường THPT thi các môn chung: Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh (*bắt buộc đối với tất cả học sinh dự tuyển*).

b) Học sinh dự thi vào trường THPT Chuyên thi ngoài các môn thi chung phải thi thêm môn thứ 4 (*môn chuyên*) tương ứng với lớp chuyên đăng ký dự thi (*riêng học sinh dự thi lớp chuyên Tin học thi môn Toán chuyên*).

### **3.6.2. Đề thi**

a) Môn Ngữ văn không chuyên và các môn chuyên (*trừ Tiếng Anh*): Thi theo hình thức tự luận.

b) Môn Tiếng Anh chuyên: Thi theo hình thức kết hợp trắc nghiệm với tự luận.

c) Môn Toán và Tiếng Anh không chuyên: Thi theo hình thức trắc nghiệm.

### **3.6.3. Thời gian làm bài thi**

a) Thời gian làm bài các môn thi vào các trường THPT (*kể cả học sinh làm bài thi các môn không chuyên dự thi vào THPT Chuyên*): Môn Toán: 90 phút; môn Tiếng Anh: 60 phút; môn Ngữ văn: 120 phút.

b) Thời gian làm bài thi các môn chuyên: 150 phút.

### **3.6.4. Lịch thi: Hoàn thành trong tháng 6/2024.**

## **4. Tuyển sinh vào lớp 10 Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh**

### **4.1. Đối tượng, địa bàn tuyển sinh**

a) Cán bộ, công chức, người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế đang làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Học sinh đã tốt nghiệp THCS, học cấp THCS hoặc có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 03 lớp 10 GDTX THPT, 135 học viên.

**4.3. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển.

**4.4. Thời gian:** Hoàn thành chậm nhất 15/8/2024.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn, đúng quy định hiện hành; tổng hợp, báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

**2.** Các sở: Tài chính, Y tế, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh, Công ty Điện lực Tuyên Quang, Bưu điện Tuyên Quang, Viễn thông Tuyên Quang, chi nhánh Viettel Tuyên Quang, Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Các PCT UBND tỉnh;
  - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
  - Chánh VP UBND tỉnh;
  - Như Điều 3 (thực hiện);
  - Các sở, ban, ngành;
  - Báo Tuyên Quang;
  - Đài PTTH tỉnh;
  - Các PCVP UBND tỉnh;
  - Công TTĐT tỉnh;
  - Lưu: VT, THVX (VB).
- (báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Việt Phương**